

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2023/HS-ST

Ngày: 05.7.2023.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hồng Vinh.

2. Ông Nguyễn Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bắc- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 70/2023/HSST ngày 09 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

LÊ QUANG H1, tên gọi khác: không, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2000 tại Nghệ An, Giới tính: nam.

Nơi cư trú: thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo;

Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12.

Con ông Lê Quang T – sinh năm 1974; Mẹ: NLQ - sinh năm 1978; Cùng trú: thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Anh chị em ruột: 08 người, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Vợ, con: chưa có.

Tiền án; Tiền sự: không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

- Bị hại: ông BH, sinh năm 1987; Địa chỉ: thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà NLQ, sinh năm 1978; Địa chỉ: thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

- Người làm chứng:

1. Ông NLC 1, sinh năm 1961; Địa chỉ: khu phố Z, thị trấn J, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)

2. Ông NLC 2, sinh năm 1995; Địa chỉ: khu phố W, thị trấn J, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 20/01/2023, Lê Quang H1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 86B4-484.63 hiệu Exciter màu đen, đi thăm bẫy chim. Khi đi đến khu vực vườn thanh long của anh BH, sinh năm 1987 (trú thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận), H1 phát hiện một cái ky màu trắng đang để trong vườn thanh long, bên trong ky có đựng 169 bóng đèn (kèm chuỗi bóng loại bóng led), nhưng không có người trông coi nên H1 nảy sinh ý định trộm cắp số bóng đèn trên để bán lấy tiền tiêu xài. Ngay lập tức H1 đi đến vị trí để ky bóng đèn và bê ky bóng đèn trên để lên phía sau xe mô tô 86B4-484.63. Sau đó, H1 điều khiển xe chạy ra khu vực thị trấn J để tìm chỗ tiêu thụ, khi đi đến khu vực chợ Z (thuộc khu phố Z, thị trấn J, huyện H) thì bị người dân phát hiện và bắt giữ H1 lại, báo cho Công an thị trấn J đưa về làm việc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 15/2023-HĐĐG ngày 20/03/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng huyện H kết luận: 169 bóng đèn LED NIVAL 9W(có đuôi và dây dài 40cm) có giá trị là 6.080.000 đồng.

Tang vật của vụ án gồm:

169 bóng đèn kèm chuỗi đèn (loại bóng đèn led); 01 ky nhựa màu trắng;

01 xe mô tô BKS 86B4 – 484.63 hiệu Exciter, màu đen.

Về trách nhiệm dân sự: anh BH yêu cầu bị cáo Lê Quang H1 bồi thường số tiền 2.000.000 (hai triệu đồng) và bị cáo Lê Quang H1 đã bồi thường số tiền 2.000.000 (hai triệu đồng) cho anh BH, anh BH đã nhận đủ số tiền trên đồng thời không có yêu cầu gì thêm và đã có đơn bãi nại cho bị cáo H1.

Tại Cáo trạng số 74/CT-VKSHTN-HS ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo Lê Quang H1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Quang H1 như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Quang H1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, Điều b, i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Lê Quang H1 từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng đến 36 tháng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Quang H1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà NLQ : đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] 1.1 Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

1.2 Bị hại BH; Người làm chứng NLC 1, NLC 2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của bị hại, người làm chứng trên không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Với các tài liệu, chứng cứ đã được xác minh thu thập có tại hồ sơ vụ án, đối chiếu với lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa là phù hợp, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 08 giờ ngày 20/01/2023, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, bị cáo Lê Quang H1 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 cái ky màu trắng bên trong ky có đựng 169 bóng đèn (kèm chuỗi bóng loại bóng led) của bị hại BH tại khu vực vườn thanh long

của anh BH (thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận). Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 6.080.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Quang H1 là cố ý, đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát huyện H đối với bị cáo Lê Quang H1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Quang H1 là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý lo lắng cho quần chúng nhân dân. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt đủ nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Quang H1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục bồi thường thiệt hại cho bị hại, được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Lê Quang H1 được quy định tại b, s, i khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Quang H1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Do bị cáo Lê Quang H1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo, do đó Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo Lê Quang H1 hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 169 bóng đèn kèm chuỗi đèn (loại bóng đèn led); 01 ky nhựa màu trắng là tài sản của anh BH, quá trình điều tra xét thấy đã làm rõ nên ngày 26/5/2023 Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là anh BH là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với xe mô tô BKS 86B4- 484.63 hiệu Exciter, màu đen. Quá trình điều tra đã xác định được chủ sở hữu là của bà NLQ , bị cáo Lê Quang H1 lấy đi chơi sau đó sử dụng xe đi trộm cắp tài sản mà bà NLQ không biết. Do đó, Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại cho bà NLQ là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại BH yêu cầu bị cáo Lê Quang H1 bồi thường số tiền 2.000.000 đồng và anh BH đã nhận đủ số tiền trên, không có yêu cầu gì thêm và đã có đơn bãi nại cho bị cáo Lê Quang H1 nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Bị cáo Lê Quang H1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Quang H1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ Luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Quang H1 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 05.7.2023).

Giao bị cáo Lê Quang H1 cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận nơi bị cáo Lê Quang H1 đang cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Lê Quang H1.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Quang H1 phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05.7.2023). Bị hại vắng mặt báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo).

Nơi nhận:

- Như Điều 262 BLTTHS 2015.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nàng Hương